

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DS-ST

Ngày: 02 – 5 - 2018

V/v: Tranh chấp hợp  
đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Phước Hiệu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Lưu Trọng Kim

2/ Ông Lê Đức Sơn

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Quốc Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, đã xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 283/2017/TLST-DS, ngày 28/11/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST-DS ngày 26/3/2018, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Quỹ tín dụng nhân dân Đ. Địa chỉ: Số 227 đường 3/2, khu phố 8, TT. Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Trung L. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963. Cùng địa chỉ: Tổ 8, khu phố 10, TT. Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1976 và ông Lê Minh H, sinh năm 1974. Cùng địa chỉ: Tổ 8, khu phố 8, TT. Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt đại diện nguyên đơn và bị đơn C; vắng mặt bị đơn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2017, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày: ngày 25/9/2015, bà Phạm Thị L ký hợp đồng tín dụng loại trung hạn số K15/501/HĐTD để vay của Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); lãi suất thỏa thuận vay trong hạn là 1,03%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Mục đích vay vốn nhằm chăm sóc cây cao su; Thời hạn vay 24 tháng. Thời hạn trả nợ được phân thành 02 kỳ: kỳ 01 vào ngày 25/9/2016 trả 50.000.000 đồng; kỳ 02 vào ngày 25/9/2017 trả 50.000.000 đồng. Hợp đồng vay vốn được đảm bảo thế chấp quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Văn C theo hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất số K15/501/HĐTC lập ngày 23/9/2015, được công chứng ngày 24/9/2015. Sau khi vay vốn, bà L và ông C chỉ trả được tiền lãi đến ngày 10/8/2016. Từ ngày 10/8/2016 đến nay không trả được nợ gốc và nợ lãi. Quỹ tín dụng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng vợ chồng bà L không trả được nợ. Do đó, Quỹ tín dụng nhân dân Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L phải trả số nợ gốc 100.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 10/8/2016 cho đến nay, Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

- Từ ngày 10/8/2016 đến ngày 25/9/2016. Tiền lãi phát sinh là: 100.000.000 đồng x 1,03%/tháng x 46 ngày = 1.579.333 đồng;

- Từ ngày 25/9/2016 đến ngày 25/9/2017. Tiền lãi phát sinh là: (50.000.000 đồng x 1,03%/tháng x 365 ngày) + (50.000.000 đồng x 1,545%/tháng x 365 ngày) = 15.664.583 đồng;

- Từ 25/9/2017 đến 02/5/2018. Tiền lãi phát sinh là: (100.000.000 đồng x 1,545%/tháng x 219 ngày = 11.278.500 đồng;

Tổng số tiền lãi tính đến ngày 02/5/2018 là 28.522.417 đồng.

Nếu bà L và ông C không trả được nợ thì Quỹ tín dụng Đ yêu cầu Tòa án tuyên quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số K15/501/HĐTC ngày 23/9/2015 để thu hồi nợ.

Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà L, ông C thống nhất trình bày: Giữa vợ chồng ông bà và vợ chồng cô C, anh H là chỗ quen biết láng giềng nên vào tháng 9/2015, vợ chồng cô C vào năn nỉ vợ chồng ông bà để mượn số đô vay 100.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng Đ. Vợ chồng ông C thừa nhận hồ sơ vay vốn gồm hợp đồng tín dụng số K15/501/HĐTD ngày 25/9/2015, giấy đề nghị vay vốn ngày 24/9/2015, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K15/501/HĐTC ngày 23/9/2015, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 23/9/2015 và các tài liệu khác do Quỹ tín dụng giao nộp cho Tòa án là chữ ký của vợ chồng ông bà. Vợ chồng bà L cho rằng mình chỉ đứng tên trên hồ sơ vay chứ người sử dụng vốn vay là vợ chồng cô C anh H. Do đó, vợ chồng ông C đề nghị Tòa án buộc vợ chồng cô C trả nợ cho Quỹ tín dụng Đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: Trước đây, vợ chồng bà L có vay của Quỹ tín dụng Đ 100.000.000 đồng. Sau đó do cần vốn làm ăn nên vợ chồng bà mượn lại 90.000.000 đồng. Việc vay mượn giữa vợ chồng bà và vợ chồng bà L chỉ thỏa thuận miệng chứ không viết giấy tờ gì. Khoản nợ này đến nay vợ chồng bà chưa trả được. Bà C cam kết chậm nhất đến ngày 14/4/2018 sẽ trả nợ cho Quỹ tín dụng, nếu không trả được sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, vợ chồng bà C vẫn không trả được nợ như đã cam kết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Đ là hoàn toàn có căn cứ, bởi bà L, ông C đã thừa nhận là người trực tiếp ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp để vay 100.000.000 đồng theo hồ sơ vay vốn của Quỹ tín dụng Đ. Do ông C, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc bà L, ông C trả nợ theo yêu cầu của phía nguyên đơn là đúng pháp luật. Nếu chậm trả nợ thì Quỹ tín dụng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật để xét xử.

## NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. TAND huyện Đức Linh xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng pháp luật.

- Về thẩm quyền: Căn cứ vào các Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn Phạm Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà C, ông H nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật.

[2] Về áp dụng án lệ: Xét thấy nội dung tranh chấp của vụ án này có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong Án lệ số 08/2016/AL đã được Hội đồng Thẩm phán TANDTC thông qua ngày 17/10/2016, cụ thể “*Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này*”. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng nội dung Án lệ này để giải quyết.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của vợ chồng bà L và căn cứ vào tài liệu do Quỹ tín dụng Đ cung cấp là giấy đề nghị vay vốn ngày 24/9/2015; hợp đồng tín dụng số K15/501/HĐTD ngày 25/9/2015 và hợp đồng thế chấp QSDĐ số K15/501/HĐTC ngày 23/9/2015 thì có căn cứ xác định, bà L và ông C cùng thống nhất đứng ra vay vốn tại Quỹ tín dụng Đ với số tiền 100.000.000 đồng. Căn cứ vào phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng tín dụng số K15/501/HĐTD ngày 25/9/2015

thì có căn cứ xác định bà L đã ký nhận số tiền giải ngân 100.000.000 đồng vào ngày 25/9/2015 và đã trả lãi vay đến ngày 10/8/2016. Xét thấy việc thỏa thuận vay mượn giữa vợ chồng bà L với vợ chồng bà C không liên quan đến quyền, nghĩa vụ của Quỹ tín dụng Đ. Từ đó, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Đ về việc buộc vợ chồng bà L trả nợ vay theo hợp đồng là có căn cứ và đúng pháp luật, bởi: Hợp đồng tín dụng số K15/501/HĐTD ngày 25/9/2015 được Quỹ tín dụng nhân dân Đ và bà Phạm Thị L ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Trong đó có các điều khoản ràng buộc về quyền và nghĩa vụ của các bên. Bên cho vay là Quỹ tín dụng Đ đã thực hiện đúng, đủ phần nghĩa vụ của mình, còn bên vay vốn là bà L, ông C không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết. Đó là vi phạm thời hạn thanh toán nợ, cụ thể hạn trả nợ cuối cùng là ngày 25/9/2017, nhưng bà L ông C không thực hiện. Do đó, Quỹ tín dụng nhân dân Đ khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp phát sinh từ hợp đồng tín dụng này là đúng pháp luật. Căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà L và ông C phải có nghĩa vụ trả số nợ vay cho Quỹ tín dụng Đ theo hợp đồng tín dụng là đúng pháp luật. Xét thấy cách thức tính tiền lãi theo ngày của Quỹ tín dụng Đ là chưa phù hợp nên cần điều chỉnh lại tiền lãi, cụ thể như sau:

- Từ ngày 10/8/2016 đến ngày 25/9/2016. Tiền lãi phát sinh là: 100.000.000 đồng x 1,03%/tháng x 1 tháng 15 ngày = 1.545.000 đồng;

- Từ ngày 25/9/2016 đến ngày 25/9/2017. Tiền lãi phát sinh là: (50.000.000 đồng x 1,03% x 12 tháng) + (50.000.000 đồng x 1,545% x 12 tháng) = 15.450.000 đồng;

- Từ 25/9/2017 đến 02/5/2018. Tiền lãi phát sinh là: (100.000.000 đồng x 1,545% x 07 tháng) + (100.000.000 đồng x 1,545%/30 x 07 ngày) = 11.176.000 đồng;

Như vậy, tổng số tiền lãi tính đến ngày 02/5/2018 là 28.171.000 đồng.

Đối với quan hệ vay mượn tiền giữa vợ chồng bà L với vợ chồng bà C, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản thế chấp: Xét thấy việc đăng ký thế chấp đã được các bên thực hiện đúng quy định của Bộ luật dân sự và luật Đất đai. Do đó, nếu bà L và ông C chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Quỹ tín dụng Đ được quyền yêu cầu phát mại tài

sản thế chấp là QSDĐ tại thửa đất số 225, tờ bản đồ 02, diện tích 19.190 m<sup>2</sup>, đất trồng cây công nghiệp lâu năm, tọa lạc tại xã T, huyện Đức Linh để thu hồi nợ.

Từ phân tích trên, căn cứ Án lệ số 08/2016/AL; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần buộc vợ chồng bà L ông C phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền 128.171.000 đồng là đúng pháp luật. Trong đó, nợ gốc là 100.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 02/5/2018 là 28.171.000 đồng và còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất 1,545%/tháng trên số nợ gốc cho đến khi trả xong nợ cho Quỹ tín dụng. Nếu vợ chồng bà L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Quỹ tín dụng Đ có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh phát mại tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số K15/501/HĐTC ngày 23/9/2015 để thu hồi nợ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Đ được chấp nhận, nên buộc bà L và ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ là đúng pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Án lệ số 08/2016/AL; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Đ.**

- Buộc bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn C phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền 128.171.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu, một trăm bảy mươi một ngàn đồng). Trong đó, tiền gốc là 100.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 02/5/2018 là 28.171.000 đồng. Bà L và ông C còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất 1,545%/tháng đối với số tiền nợ gốc kể từ ngày 03/5/2018 cho đến khi trả xong nợ gốc cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ.

- Nếu bà L và ông C chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Quỹ tín dụng nhân dân Đ được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh phát mại tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất

số K15/501/HĐTC ngày 23 tháng 9 năm 2015 để thu hồi toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn C phải chịu 6.409.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ 3.072.500 đồng, là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018050 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án là ngày 02/5/2018; Bị đơn Phạm Thị L và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H, bà C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã Ký )**

**Trần Phước Hiệu**